

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ DAICHI LIFE VIỆT NAM
Tầng 11, 149-151 Nguyễn Văn Trỗi, phường Phú Nhuận, TP.HCM
MST: 0312660770



BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2026

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ DAICHI LIFE VIỆT NAM
Tầng 11, 149-151 Nguyễn Văn Trỗi, phường Phú Nhuận, TP.HCM
MST: 0312660770

MỤC LỤC

	Trang
□ Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/09/2026	1 - 3
□ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giai đoạn 01/01/2026 đến 30/09/2026.....	4
□ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giai đoạn 01/01/2026 đến 30/09/2026	5
□ Thuyết minh báo cáo tài chính giai đoạn 01/01/2026 đến 30/09/2026	6 - 16



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ DAICHI LIFE VIỆT NAM
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 09 năm 2026

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 09 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 (Đã phân loại lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 150)	100		245,968,494,536	169,987,469,595
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(1)	1,507,506,491	24,650,037,957
1. Tiền	111		1,507,506,491	6,633,640,697
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	18,016,397,260
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	(2)	210,202,607,541	108,134,989,053
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		210,202,607,541	108,134,989,053
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	(3)	33,116,701,293	35,155,890,374
1. Trả trước cho người bán	132		81,479,000	-
2. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134		32,946,462,176	35,112,319,760
3. Phải thu ngắn hạn khác	135		88,760,117	43,570,614
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1,141,679,211	2,046,552,211
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	(4)	1,141,679,211	2,046,552,211
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		1,867,872,353	2,839,733,476
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		18,000,000	13,000,000
1. Phải thu dài hạn khác	218	(5)	18,000,000	13,000,000
II. Tài sản cố định	220	(7)	1,316,979,152	2,308,826,549
1. TSCĐ hữu hình	221		298,585,769	512,650,840
- Nguyên giá	222		3,319,879,743	3,319,879,743
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3,021,293,974)	(2,807,228,903)
2. TSCĐ vô hình	227		1,018,393,383	1,796,175,709
- Nguyên giá	228		10,376,820,684	10,239,320,684
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9,358,427,301)	(8,443,144,975)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		532,893,201	517,906,927
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	(6)	93,315,900	169,461,357
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		439,577,301	348,445,570
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		247,836,366,889	172,827,203,071

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ DAIICHI LIFE VIỆT NAM
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 09 năm 2026

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 09 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		14,990,063,070	18,095,120,920
I. Nợ ngắn hạn	310		13,434,186,396	16,647,566,287
1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(8)	9,310,297,074	9,678,039,668
2. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	(9)	4,092,069,322	6,897,111,050
3. Phải trả ngắn hạn khác	319	(10)	31,820,000	72,415,569
II. Nợ dài hạn	330		1,555,876,674	1,447,554,633
1. Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359	(11)	1,555,876,674	1,447,554,633
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400	(12)	232,846,303,819	154,732,082,151
I. VỐN CHỦ SỞ HỮU	410		232,846,303,819	154,732,082,151
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		27,500,000,000	27,500,000,000
2. Quỹ dự phòng tài chính	418		2,500,000,000	2,500,000,000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		202,846,303,819	124,732,082,151
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		247,836,366,889	172,827,203,071

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ DAIICHI LIFE VIỆT NAM
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 09 năm 2026

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Mã số	Thuyết Minh	Ngày 30 tháng 09 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
1. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030	(13)	927,672,319,830	119,997,811,431
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	031		927,672,319,830	119,997,811,431
2. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040	(14)	67,867,422,266,463	64,110,963,557,416
- Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041		67,867,422,266,463	64,110,963,557,416
3. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050	(15)	51,991,650,083	25,709,939,068
4. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051	(16)	142,314,338,757	55,622,884,246

Ngày 20 tháng 10 năm 2026

Người lập



Nguyễn Thị Thùy Linh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thùy Linh



Trưởng Giám Đốc

Trần Châu Danh

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ DAIICHI LIFE VIỆT NAM
BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/09/2026

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III/2026		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Lũy kế năm nay	Lũy kế năm trước
Doanh thu	01		39,861,567,480	39,254,391,633	118,216,920,843	112,445,004,755
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10	(17)	39,861,567,480	39,254,391,633	118,216,920,843	112,445,004,755
Doanh thu hoạt động tài chính	21	(18)	3,984,798,737	2,478,591,940	9,573,580,640	6,441,445,379
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(19)	(10,470,475,264)	(11,419,882,287)	(30,287,474,978)	(32,836,828,923)
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh	30		33,375,890,953	30,313,101,286	97,503,026,505	86,049,621,211
Thu nhập khác	31		-	-	15	8,539,400
Chi phí khác	32		-	-	0	(1)
Lợi nhuận khác (40=31+32)	40		-	-	15	8,539,399
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		33,375,890,953	30,313,101,286	97,503,026,520	86,058,160,610
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(20.1)	(6,696,413,939)	(6,102,700,442)	(19,479,936,583)	(17,420,548,973)
Thuế TNDN hoãn lại	52		21,235,748	40,080,185	91,131,731	213,444,252
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50+51+52)	60		26,700,712,762	24,250,481,029	78,114,221,668	68,851,055,889

Ngày 20 tháng 10 năm 2026

Người lập



Nguyễn Thị Thùy Linh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thùy Linh



Tổng Giám Đốc

Trần Châu Danh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/09/2026

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	I		
Lợi nhuận trước thuế	01	97,503,026,520	86,058,160,610
Điều chỉnh:			
Khấu hao tài sản cố định	02	1,129,347,397	1,097,013,842
Các khoản dự phòng	03	108,322,041	108,821,339
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(9,573,580,640)	(6,441,445,379)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi của vốn lưu động		89,167,115,318	80,822,550,412
Thay đổi các khoản phải thu	09	2,024,245,755	(2,651,412,346)
Thay đổi các khoản phải trả	11	(2,497,494,566)	(501,797,421)
Thay đổi chi phí trả trước	12	981,018,457	931,329,481
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(20,195,821,908)	(16,424,716,816)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	69,479,063,056	62,175,953,310
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	II		
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	(137,500,000)	-
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	-	-
Tiền chi cho gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(202,700,000,000)	(153,000,000,000)
Tiền thu từ tiền gửi có kỳ hạn	24	104,000,000,000	163,500,000,000
Tiền thu từ lãi tiền gửi	27	6,215,905,478	6,743,398,122
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng trong hoạt động đầu tư	30	(92,621,594,522)	17,243,398,122
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	III		
Lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(80,000,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	(80,000,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(23,142,531,466)	(580,648,568)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	24,650,037,957	1,894,855,971
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	1,507,506,491	1,314,207,403

Ngày 20 tháng 10 năm 2026

Người lập



Nguyễn Thị Thùy Linh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thùy Linh



Tổng Giám Đốc

Trần Châu Danh

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ DAIICHI LIFE VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/09/2026

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Hình thức sở hữu vốn

Vốn trong nước

2. Lĩnh vực kinh doanh

Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán.

3. Thông tin doanh nghiệp

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Daiichi Life Việt Nam được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 53/GP-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam cấp ngày 10 tháng 02 năm 2014. Giấy phép Thành lập và Hoạt động đã được điều chỉnh và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 112/GPĐC-UBCK ngày 23 tháng 09 năm 2026.

Trụ sở chính: Tầng 11, 149-151 Nguyễn Văn Trỗi, phường Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.

Thời gian hoạt động: 50 năm.

Chủ sở hữu: Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân Thọ Daiichi Việt Nam.

4. Tổng số công nhân viên

Đến thời điểm 30/09/2026: tổng số công nhân viên là 21 người.

II. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán: năm đầu tiên bắt đầu từ ngày 01/07/2014 đến 31/12/2014, các năm tiếp theo bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”) cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các đồng tiền khác phát sinh được ghi theo nguyên tệ và quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, hoặc tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số dư các khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tiền gửi.

3. Sổ kế toán được ghi chép theo hệ thống kế toán Việt Nam.

Hình thức sổ sách kế toán: Nhật ký sổ cái.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ DAIICHI LIFE VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/09/2026

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Áp dụng hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Chế độ kế toán áp dụng theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 (“Thông tư 125”) do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và điều chỉnh, bổ sung, cập nhật theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 01/01/2026 (“Thông tư 99”) của Bộ Tài chính.

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 99 thay thế hướng dẫn trước đây về Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) và các thông tư sửa đổi Thông tư 200. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026. Công ty đã áp dụng các yêu cầu có liên quan của Thông tư 99 kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 trên cơ sở phi hồi tố, có phân loại lại một số chỉ tiêu tương ứng, trừ trường hợp Thông tư 99 có quy định cụ thể khác.

Theo quy định của Thông tư 99, Công ty đã áp dụng một số chính sách kế toán mới và thực hiện phân loại lại một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính như trình bày dưới đây:

(a) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2026

Lãi phải thu từ các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng) được bao gồm trong khoản mục “Phải thu ngắn hạn khác”.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2026

Lãi phải thu từ các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng) được bao gồm trong giá trị ghi sổ của các khoản tương đương tiền.

Do sự thay đổi trong chính sách kế toán này, số liệu so sánh tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày báo cáo tài chính của kỳ hiện tại như được thuyết minh tại Thuyết minh 1.

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2026

Lãi phải thu từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được bao gồm trong khoản mục “Phải thu ngắn hạn khác”.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ DAICHI LIFE VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/09/2026

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2026

Lãi phải thu từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được bao gồm trong giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Do sự thay đổi trong chính sách kế toán này, số liệu so sánh tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày báo cáo tài chính của kỳ hiện tại như được thuyết minh tại Thuyết minh 2 và 3.

III. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Ngày 30 tháng 09 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 (Đã phân loại lại)
Tiền gửi ngân hàng	1,507,506,491 (1)	6,633,640,697
Các khoản tương đương tiền	-	18,016,397,260
	1,507,506,491	24,650,037,957

(1) Trong đó:

Tiền gửi ngân hàng Vietcombank bằng VNĐ	1,199,287,201
Tiền gửi ngân hàng BIDV bằng VNĐ	252,913,290
Tiền gửi ngân hàng HSBC bằng VNĐ	55,306,000

2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên ba tháng đến một năm và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn còn lại không quá một năm tại:</i>	Ngày 30 tháng 09 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 (Đã phân loại lại)
Ngân hàng TMCP Á Châu	17,762,410,961	9,321,410,960
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	61,166,230,138	45,865,063,018
Ngân hàng TMCP Phương Đông	44,142,468,497	-
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam	22,821,112,330	-
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	40,372,898,629	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	23,937,486,986	4,125,369,863
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)	-	48,823,145,212
	210,202,607,541	108,134,989,053

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026, các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn hưởng lãi suất năm từ 4.75% đến 9.0% năm.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ DAIICHI LIFE VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/09/2026

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Ngày 30 tháng 09 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 (Đã phân loại lại)
Phải thu phí quản lý danh mục từ DLVN	32,676,657,892	34,927,199,190
Phải thu phí quản lý danh mục từ Quỹ “DFVN – CAF” và “DFVN – FIX”	269,804,284	185,120,570
Trả trước cho người bán	81,479,000	-
Phải thu ngắn hạn khác	88,760,117 (1)	43,570,614
	33,116,701,293	35,155,890,374

(1) Trong đó:

- Khoản phải thu ngắn hạn khác có kỳ hạn còn lại không quá 3 tháng: 8,830,132

4. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Ngày 30 tháng 09 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Số dư đầu kỳ	2,046,552,211	1,811,221,600
Tăng trong kỳ	4,637,930,599	7,142,143,295
Phân bổ trong kỳ	(5,542,803,599)	(6,906,812,684)
Số dư cuối kỳ	1,141,679,211	2,046,552,211

5. Các khoản phải thu dài hạn

	Ngày 30 tháng 09 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Phải thu dài hạn khác	18,000,000	13,000,000
Cộng	18,000,000	13,000,000

6. Chi phí trả trước dài hạn

	Ngày 30 tháng 09 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Số dư đầu kỳ	169,461,357	391,629,745
Tăng trong kỳ	20,535,000	134,201,960
Phân bổ trong kỳ	(96,680,457)	(356,370,348)
Số dư cuối kỳ	93,315,900	169,461,357

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/09/2026

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7. Tình hình tăng, giảm TSCĐ

Chỉ tiêu	Máy móc, thiết bị	Phần mềm	Tổng cộng
I. NGUYÊN GIÁ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH			
1. Số dư đầu kỳ	3,319,879,743	10,239,320,684	13,559,200,427
2. Số tăng trong kỳ	-	137,500,000	137,500,000
3. Số dư cuối kỳ	3,319,879,743	10,376,820,684	13,696,700,427
II. GIÁ TRỊ HAO MÒN			
1. Số đầu kỳ	2,807,228,903	8,443,144,975	11,250,373,878
2. Tăng trong kỳ	214,065,071	915,282,326	1,129,347,397
3. Số cuối kỳ	3,021,293,974	9,358,427,301	12,379,721,275
III. GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
1. Số đầu kỳ	512,650,840	1,796,175,709	2,308,826,549
2. Số cuối kỳ	298,585,769	1,018,393,383	1,316,979,152

8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2026	Số phát sinh trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/09/2026
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9,394,002,868	19,479,936,583	(20,195,821,908)	8,678,117,543
Thuế thu nhập cá nhân	284,036,800	3,432,728,660	(3,084,585,929)	632,179,531
Thuế khác	-	46,073,120	(46,073,120)	-
	9,678,039,668	22,958,738,363	(23,326,480,957)	9,310,297,074

9. Chi phí phải trả

	Ngày 30 tháng 09 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Chi phí khác	642,009,829	1,579,212,220
Lương tháng 13 và tiền thưởng cho nhân viên	3,450,059,493	5,317,898,830
	4,092,069,322	6,897,111,050

10. Phải trả ngắn hạn khác

	Ngày 30 tháng 09 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Các khoản phải trả khác	31,820,000	72,415,569
	31,820,000	72,415,569

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ DAIICHI LIFE VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/09/2026

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

11. Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư

	Ngày 30 tháng 09 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Số dư đầu năm	1,447,554,633	1,302,914,506
Trích lập dự phòng trong năm	108,322,041	145,000,000
Chi bồi thường cho nhà đầu tư	-	(359,873)
	<u>1,555,876,674</u>	<u>1,447,554,633</u>

12. Vốn chủ sở hữu

CHỈ TIÊU	Số dư đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số dư cuối kỳ
Góp vốn (*)	27,500,000,000	-	-	27,500,000,000
Quỹ dự phòng tài chính	2,500,000,000	-	-	2,500,000,000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	124,732,082,151	78,114,221,668	-	202,846,303,819
Tổng Cộng	154,732,082,151	78,114,221,668	-	232,846,303,819

(*) Tổng số vốn đầu tư tại thời điểm 30 tháng 09 năm 2026 là 27,500,000,000 đồng (hai mươi bảy tỷ năm trăm triệu đồng).

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ DAIICHI LIFE VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/09/2026

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

13. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác

Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước là Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân Thọ Daiichi Việt Nam (công ty mẹ) bao gồm:

	Ngày 30 tháng 09 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Quỹ sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị		
Tiền gửi ngân hàng	134,608,013,834	113,303,262,531
Quỹ sản phẩm bảo hiểm liên kết chung		
Tiền gửi ngân hàng	439,844,361,311	3,353,892,434
Quỹ sản phẩm bảo hiểm hưu trí		
Tiền gửi ngân hàng	33,878,037	28,517,122
Quỹ sản phẩm bảo hiểm truyền thống		
Tiền gửi ngân hàng	<u>353,186,066,648</u>	<u>3,312,139,344</u>
	<u>927,672,319,830</u>	<u>119,997,811,431</u>

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ DAIICHI LIFE VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/09/2026

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

14. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác

Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác trong nước là Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân Thọ Daiichi Việt Nam bao gồm:

		Ngày 30 tháng 09 năm 2026			Ngày 31 tháng 12 năm 2025		
		Số lượng	Giá gốc	Giá thị trường	Số lượng	Giá gốc	Giá thị trường
Quỹ sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị							
	Chứng khoán vốn	156,045,362	5,055,939,499,298	5,049,112,265,000	121,156,559	4,084,475,926,166	4,631,076,979,000
	Chứng khoán nợ	586,309	137,860,832,470	143,417,481,022	370,080	116,692,864,800	123,413,020,000
	Tiền gửi có kỳ hạn		1,298,562,097,533	1,298,562,097,533		1,038,200,000,000	1,038,200,000,000
Quỹ sản phẩm bảo hiểm liên kết chung							
	Chứng khoán nợ	176,001,370	37,045,850,714,166	35,612,179,893,700	175,992,950	34,925,850,714,166	35,764,846,662,910
	Tiền gửi có kỳ hạn		4,648,175,649,315	4,648,175,649,315		3,864,900,000,000	3,864,900,000,000
Quỹ sản phẩm bảo hiểm hưu trí tự nguyện							
	Chứng khoán nợ	1,150,000	116,627,350,000	123,197,950,000	1,150,000	116,627,350,000	129,521,450,000
	Tiền gửi có kỳ hạn		138,305,085,150	138,305,085,150		122,700,000,000	122,700,000,000
Quỹ sản phẩm bảo hiểm truyền thống							
	Chứng khoán nợ	106,523,373	13,455,977,683,024	13,555,853,758,976	109,024,173	14,562,316,702,284	15,912,201,967,650
	Tiền gửi có kỳ hạn		5,970,123,355,507	5,970,123,355,507		5,279,200,000,000	5,279,200,000,000
Tổng cộng			67,867,422,266,463	66,538,927,536,203		64,110,963,557,416	66,866,060,079,560

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/09/2026

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

15. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác

	Ngày 30 tháng 09 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác trong nước là Công ty TNHH BHNT Daiichi Việt Nam		
Phải thu cổ tức	3,252,602,500	181,500,000
Phải thu bán cổ phiếu	48,739,047,583	25,528,439,068
	51,991,650,083	25,709,939,068

16. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác

	Ngày 30 tháng 09 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác trong nước là Công ty TNHH BHNT Daiichi Việt Nam		
Phí phải trả cho Công ty Quản lý quỹ DFCN	32,676,657,892	34,927,199,190
Phải trả mua cổ phiếu	109,637,680,865	20,695,685,056
	142,314,338,757	55,622,884,246

17. Doanh thu hoạt động kinh doanh

	Ngày 30 tháng 09 năm 2026	Ngày 30 tháng 09 năm 2025
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư của DLVN	116,124,497,823	111,094,977,839
Doanh thu hoạt động quản lý quỹ ĐTCK	2,092,423,020	1,350,026,916
	118,216,920,843	112,445,004,755

18. Doanh thu hoạt động tài chính

	Ngày 30 tháng 09 năm 2026	Ngày 30 tháng 09 năm 2025
Lãi tiền gửi	9,573,580,640	6,441,445,379
	9,573,580,640	6,441,445,379

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ DAICHI LIFE VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/09/2026

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

19. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Ngày 30 tháng 09 năm 2026	Ngày 30 tháng 09 năm 2025
Lương và các chi phí theo lương	20,793,243,501	22,387,359,383
Công cụ dụng cụ & thiết bị	3,611,442,193	3,572,546,668
Chi phí công tác	262,453,188	352,005,922
Thuế và phí khác	-	3,000,000
Chi phí dịch vụ mua, thuê ngoài	4,382,666,658	5,316,081,769
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,129,347,397	1,097,013,842
Trích quỹ bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	108,322,041	108,821,339
	30,287,474,978	32,836,828,923

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ phải nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế.

20.1 Chi phí thuế TNDN

	Ngày 30 tháng 09 năm 2026	Ngày 30 tháng 09 năm 2025
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	19,479,936,583	17,420,548,973

21. Thông tin so sánh

Trừ các trường hợp được thuyết minh khác, thông tin so sánh được mang sang từ số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2026.

Như đã trình bày trong các Thuyết minh 1, 2 và 3, từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, Công ty đã áp dụng các quy định có liên quan của Thông tư 99. Theo đó, một số thông tin so sánh tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được phân loại lại để phù hợp với quy định về trình bày báo cáo tài chính theo Thông tư này. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

Báo cáo tài chính

	Mã số	31/12/2025 (đã phân loại lại)	31/12/2025 (theo báo cáo trước đây)
Các khoản tương đương tiền	112	18,016,397,260	18,000,000,000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	123	108,134,989,053	104,000,000,000
Phải thu ngắn hạn khác	135	43,570,614	4,194,956,927

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ DAIICHI LIFE VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/09/2026

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Người lập



Nguyễn Thị Thùy Linh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thùy Linh



Ngày 20 tháng 10 năm 2026

Tổng Giám Đốc

Trần Châu Danh

